

Số: /KH-UBND

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2024

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình hành động số 53-CTrHĐ/TU ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Thành ủy thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về “Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24 tháng 11 năm 2023 Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về “Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới” (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 42-NQ/TW); Kế hoạch số 230-KH/BKTTW ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Ban Kinh tế Trung ương về theo dõi, giám sát, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW (sau đây gọi tắt là Kế hoạch số 230-KH/BKTTW);

Thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/CP ngày 09 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 68-NQ/CP);

Thực hiện Chương trình hành động số 53-CTrHĐ/TU ngày 09 tháng 4 năm 2024 của Thành ủy về thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về “Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới” trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Chương trình hành động số 53-CTrHĐ/TU);

Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 53-CTrHĐ/TU trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Nghị quyết số 42-NQ/TW, Nghị quyết số 68-NQ/CP và Chương trình hành động số 53-CTrHĐ/TU, tạo chuyển biến rõ rệt, thống nhất về nhận thức và hành động, nhất là trách nhiệm người đứng đầu cấp ủy, chính quyền địa phương, các cấp, các ngành và toàn xã hội về vị trí, vai trò đặc biệt quan trọng của chính sách xã hội trong phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố.

2. Phát huy vai trò của các cấp chính quyền, sở, ngành, tổ chức chính trị - xã hội, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, vận động và phát huy hiệu quả nguồn lực xã hội hóa để thực hiện chính sách xã hội trên địa bàn Thành phố.

3. Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 42-NQ/TW, Nghị quyết số 68-NQ/CP và Chương trình hành động số 53-CTrHĐ/TU phải được tiến hành đồng bộ với việc tổ chức thực hiện các nghị quyết, chỉ thị, chiến lược, chương trình, kế hoạch, dự án, đề án về phát triển kinh tế - xã hội hằng năm và giai đoạn của các sở, ban, ngành, địa phương.

4. Đánh giá tình hình thực hiện, tiến độ, mục tiêu và các biện pháp tổ chức thực hiện chương trình, kế hoạch; kết quả đạt được; những khó khăn, vướng mắc cần giải quyết (nếu có) để kịp thời điều chỉnh, bổ sung và hoàn chỉnh các mục tiêu đề ra hằng năm của các sở, ban, ngành, địa phương.

II. CHỈ TIÊU CHỦ YẾU

1. Đảm bảo 100% hồ sơ đối tượng được giải quyết đúng thời gian quy định theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công, không để hồ sơ đủ điều kiện tồn đọng. Đảm bảo 100% phường, xã, thị trấn được công nhận làm tốt công tác chăm sóc gia đình chính sách có công; phần đầu 100% hộ gia đình chính sách có công đang hưởng chế độ theo Pháp lệnh Ưu đãi người có công có mức sống bằng hoặc khá hơn mức sống bình quân của khu dân cư nơi cư trú, cơ bản không còn hộ nghèo và hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo của Thành phố.

2. 100% đối tượng gặp khó khăn đột xuất được trợ giúp kịp thời; mở rộng diện người cao tuổi không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội của Nhà nước, trẻ em dưới 36 tháng tuổi, phụ nữ mang thai là người dân tộc thiểu số; người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn được hưởng trợ cấp xã hội; điều chỉnh mức trợ cấp xã hội phù hợp với khả năng ngân sách.

3. Đến cuối năm 2025, không còn hộ nghèo theo tiêu chuẩn cả nước, còn dưới 0,5% hộ nghèo theo chuẩn nghèo Thành phố. Đến năm 2030, tiếp tục hoàn thiện chính sách giảm nghèo, chuẩn nghèo đa chiều gắn với mục tiêu phát triển bền vững, đảm bảo mức sống tối thiểu tăng dần và khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của người dân; đổi mới cách tiếp cận về giảm nghèo, ban hành chính sách hỗ trợ có điều kiện; nâng cao chất lượng công tác giảm nghèo bền vững, nâng mức chuẩn nghèo về thu nhập của Thành phố cao gấp 2 lần so với mức chuẩn chung cả nước.

4. Phần đầu đến cuối năm 2030, giải quyết việc làm bình quân mỗi năm cho 300.000 lượt người; trong đó, số việc làm mới là 140.000; tỷ lệ thất nghiệp đô thị là 3,5%; tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 89%. Đến năm 2045, giải quyết việc làm và tạo chỗ làm việc mới bình quân tăng hằng năm; kéo giảm tỷ lệ thất nghiệp còn dưới 3%.

5. Đến năm 2030, 60% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội; 45% lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp; 60% số người sau độ tuổi nghỉ hưu được hưởng lương hưu, bảo hiểm xã hội hàng tháng và trợ cấp hưu trí xã hội; trên 95% dân số tham gia bảo hiểm y tế.

6. Hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non, tỷ lệ đi học đúng độ tuổi cấp tiểu học đạt 99,5% và trung học cơ sở đạt 95%, cấp trung học phổ thông và tương đương đạt 75%.

7. Phân đầu đến cuối năm 2030, 100% bệnh viện đa khoa và trung tâm y tế quận, huyện, thành phố Thủ Đức hoàn thiện và đáp ứng năng lực cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe tâm thần, hỗ trợ các vấn đề khẩn cấp về tâm thần cho người dân Thành phố; 100% người dân sử dụng dịch vụ chăm sóc ban đầu tại y tế cơ sở được bảo hiểm y tế chi trả; 100% người dân được quản lý sức khỏe; tỷ lệ tiêm chủng mở rộng đạt 100%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi dưới 15%; tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi/1.000 trẻ đẻ sống đạt dưới 8‰.

9. Đảm bảo vững chắc mức sinh thay thế của quốc gia; tuổi thọ trung bình của người dân khoảng 75 tuổi, số năm sống khỏe đạt tối thiểu 68 năm; chỉ số phát triển con người (HDI) thuộc nhóm cao khu vực.

10. Xây dựng nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp, công nhân làm việc tại các khu công nghiệp, nhà ở công vụ cho cán bộ, công chức, viên chức; xóa bỏ hoàn toàn tình trạng nhà tạm, nhà dột nát cho hộ nghèo, hộ cận nghèo, người dân bị ảnh hưởng thiên tai, biến đổi khí hậu, sạt lở; phân đầu diện tích nhà ở bình quân đầu người đạt 26,5 m²/người.

11. Phân đầu đến cuối năm 2030, tiếp tục duy trì 100% hộ dân sử dụng nước sạch, thực hiện thí điểm việc uống nước sạch tại vòi; 100% hộ gia đình, trường học, trạm y tế có công trình phụ hợp vệ sinh bảo đảm tiêu chuẩn, quy chuẩn; 25% điểm dân cư nông thôn tập trung có hệ thống thu gom nước thải sinh hoạt, 15% nước thải sinh hoạt được xử lý.

12. Tiếp tục nâng mức trợ cấp xã hội thường xuyên phù hợp chỉ số giá tiêu dùng hằng năm (CPI) và khả năng đáp ứng của ngân sách Thành phố.

III. NHIỆM VỤ CỤ THỂ

1. Nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò của chính sách xã hội

1.1. Đổi mới nội dung, phương pháp tuyên truyền, vận động với hình thức đa dạng, phong phú, phù hợp với từng đối tượng, bảo đảm thiết thực, hiệu quả; tập huấn, hướng dẫn các các quyết định, kế hoạch, đề án, chương trình xã hội trên địa bàn Thành phố về hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người bệnh tâm thần, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn, người lang thang xin ăn và các đối tượng bảo trợ xã hội khác.

1.2. Kịp thời khen thưởng, tôn vinh các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình thực hiện tốt chính sách xã hội; tuyên truyền, phổ biến, nhân rộng các mô hình tốt, cách làm hay, điển hình tiên tiến. Xây dựng hướng dẫn về điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng; thẩm định trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố khen thưởng khi sơ kết, tổng kết thực hiện Kế hoạch này.

1.3. Phân công thực hiện

Đơn vị chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức.

2. Nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý nhà nước về chính sách xã hội

2.1. Kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về chính sách xã hội từ Thành phố đến cơ sở; tăng cường phân cấp, phân quyền, cá thể hóa trách nhiệm trong tổ chức thực hiện; đẩy mạnh cải cách hành chính, tăng tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình, tạo điều kiện thuận lợi cho Nhân dân trong tiếp cận chính sách xã hội và nâng cao vai trò giám sát của Nhân dân. Các sở, ban, ngành, địa phương thực hiện nghiêm quy định về lấy kết quả công việc, sự hài lòng và tín nhiệm của Nhân dân làm tiêu chí để đánh giá hiệu quả. Tăng cường hiệu lực, hiệu quả công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra; đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi tham nhũng, tiêu cực.

2.2. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Đề án Phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030. Tập trung công tác làm sạch và làm giàu dữ liệu dân cư, trong đó chú ý dữ liệu của các đối tượng thuộc diện hưởng chính sách xã hội đảm bảo “đúng, đủ, sạch, sống”.

2.3. Đẩy mạnh chuyển đổi số, số hóa quy trình quản lý và tổ chức thực hiện chính sách. Từng bước áp dụng mã số an sinh cho người dân, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia và chuyên ngành liên quan đến chính sách xã hội, bảo đảm liên thông, an toàn, bảo mật thông tin chung và dữ liệu cá nhân. Tăng cường công tác quản lý hoạt động cung cấp dịch vụ xã hội thông qua cơ chế quản lý, cập nhật, chia sẻ dữ liệu và thông tin trên nền tảng số.

2.4. Đổi mới cơ chế huy động nguồn lực thực hiện chính sách an sinh xã hội theo hướng linh hoạt, hiệu quả; nguồn lực Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, đồng thời huy động hợp lý nguồn lực xã hội và hợp tác quốc tế; tăng cường xã hội hóa, hợp tác công tư.

2.5. Phân công thực hiện

Đơn vị chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì nội dung 2.1 và 2.3; Công an Thành phố chủ trì nội dung 2.2; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố chủ trì nội dung 2.4.

- Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức.

3. Thực hiện tốt chính sách ưu đãi người có công với cách mạng

3.1. Tiếp tục thực hiện tốt Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng. Đảm bảo thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ cho người có công với cách mạng và thân nhân người có công với cách mạng theo quy định. Tiếp tục nghiên cứu đề

tham mưu, đề xuất kịp thời để có những điều chỉnh, bổ sung thích hợp trong thực hiện chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng và thân nhân người có công với cách mạng.

3.2. Duy trì, đẩy mạnh các phong trào vận động “Quỹ Đền ơn đáp nghĩa” tạo điều kiện chăm lo tốt hơn đời sống các gia đình chính sách; vận động sự ủng hộ của cơ quan, đơn vị và mạnh thường quân hỗ trợ cải thiện nhà ở cho người có công với cách mạng và thân nhân người có công với cách mạng gặp khó khăn về nhà ở.

3.3. Phối hợp với Bộ Tư lệnh Thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện tìm kiếm, quy tập hài cốt liệt sĩ, xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin; thực hiện đúng quy chế quản lý các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

3.4. Tăng cường công tác quản lý nhà nước trong thực hiện chính sách ưu đãi người có công. Thường xuyên và định kỳ tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chính sách; hướng dẫn, kiểm tra công tác xác nhận và chi trả trợ cấp, phụ cấp cho diện chính sách; kiên quyết xử lý những hành vi gian dối, vi phạm pháp luật trong lĩnh vực ưu đãi người có công với cách mạng.

3.5. Phân công thực hiện

Đơn vị chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức.

4. Phát triển thị trường lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tạo việc làm bền vững cho người lao động

4.1. Tạo bước đột phá trong đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, trọng tâm là hiện đại hóa, đa dạng hóa phương thức giáo dục, đào tạo. Phát triển và nâng cao chất lượng hệ thống giáo dục; đổi mới giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, liên thông, hiện đại, hội nhập quốc tế, chú trọng trang bị các kỹ năng mềm, đáp ứng yêu cầu phát triển thị trường lao động và tạo cơ hội học tập suốt đời. Tăng cường định hướng nghề nghiệp cho thanh, thiếu niên ngay từ bậc học phổ thông; thực hiện hiệu quả công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông vào học các trình độ giáo dục nghề nghiệp.

4.2. Triển khai thực hiện Quyết định số 2673/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Kế hoạch đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đảm bảo cung ứng, nhu cầu tái cơ cấu các ngành, lĩnh vực kinh tế trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 1910/KH-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về triển khai thực hiện chiến lược

phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2023 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 2550/QĐ-UBND ngày 22 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành kế hoạch triển khai Chương trình chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

4.3. Triển khai các giải pháp kết nối cung - cầu lao động, chủ động liên kết vùng tạo nguồn lao động đáp ứng nhu cầu phát triển trong các lĩnh vực, ngành trên địa bàn Thành phố. Thực hiện khảo sát, thống kê tình hình lao động - việc làm để kịp thời phân tích, dự báo tình hình thị trường lao động trong ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Tuyên truyền, thông tin, giới thiệu các hoạt động đưa người lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài để người lao động có nhiều lựa chọn trong tìm kiếm việc làm. Triển khai giải quyết các chính sách về việc làm liên quan đến bảo hiểm thất nghiệp; hỗ trợ đào tạo nghề, tư vấn, giới thiệu việc làm cho người lao động thất nghiệp để nhanh chóng gia nhập lại thị trường lao động, nhất là người lao động bị mất việc, ngừng việc. Thực hiện các chính sách, giải pháp hỗ trợ cho các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Tiếp tục tổ chức gặp gỡ, đối thoại với các doanh nghiệp theo chủ đề đổi mới và sáng tạo; tập hợp các thông tin khó khăn, vướng mắc để có giải pháp hỗ trợ kịp thời cho doanh nghiệp. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về lao động, việc làm, giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn thành phố; chú trọng các chính sách về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động.

4.4. Tiếp tục thực hiện Quyết định số 4628/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Đề án: “Phát triển quan hệ lao động tại Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2022 - 2026” và Quy chế phối hợp số 17930/QCPH-SLĐTBXH-UBMTTQ-LĐLĐ-BHXH ngày 03 tháng 8 năm 2023 giữa Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Liên đoàn Lao động Thành phố, Bảo hiểm xã hội Thành phố; triển khai thực hiện Quyết định số 25/QĐ-UBND ngày 03 tháng 01 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy chế phối hợp giải quyết bước đầu các cuộc đình công không đúng quy định pháp luật lao động trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

4.5. Phân công thực hiện

Đơn vị chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì nội dung 4.1; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì nội dung 4.2, 4.3 và 4.4.

Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức.

5. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, không để ai bị bỏ lại phía sau

5.1. Về chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp

Tiếp tục cải cách, mở rộng hệ thống bảo hiểm xã hội, tạo cơ hội tham gia và bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho người lao động; thực hiện bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người lao động và thành viên của các tổ chức kinh tế tập thể làm việc theo hợp đồng, hưởng tiền lương, tiền công theo quy định của pháp luật.

Nghiên cứu ban hành Quyết định giao chỉ tiêu cụ thể về phát triển người tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho từng địa phương, đơn vị. Đề xuất ban hành cơ chế, chính sách hỗ trợ tiền mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn Thành phố như đối tượng người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo; người thuộc hộ gia đình làm nông, lâm, ngư, diêm nghiệp có mức sống trung bình; học sinh, sinh viên; hỗ trợ một phần mức đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo khi tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện trên địa bàn Thành phố.

Tiếp tục mở rộng, nâng cao chất lượng bảo hiểm y tế toàn dân; đa dạng các gói dịch vụ bảo hiểm y tế nhằm góp phần chăm sóc sức khỏe Nhân dân, giảm chi phí người dân chi trả trực tiếp cho dịch vụ y tế.

Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong tổ chức thực hiện các chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế; tiếp tục triển khai thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, mở rộng cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên các lĩnh vực; triển khai rộng rãi ứng dụng VssID - bảo hiểm xã hội số; hoàn thiện kết nối về dữ liệu bảo hiểm xã hội với các hệ thống cơ sở dữ liệu có liên quan nhằm thực hiện tốt công tác thực hiện chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

Xử lý nghiêm tình trạng nợ, gian lận, trục lợi chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế.

5.2. Về giảm nghèo bền vững

Thực hiện lồng ghép chương trình, kế hoạch giảm nghèo đa chiều vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội thường xuyên của các ngành, các cấp hàng năm; xây dựng các chỉ tiêu, giải pháp hỗ trợ giảm nghèo theo tỷ lệ chiều nghèo thiếu hụt của người nghèo ở các quận, huyện và thành phố Thủ Đức; các chính sách và giải pháp hỗ trợ giảm nghèo của Thành phố thực hiện theo hướng tác động hỗ trợ có điều kiện cho hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo tổ chức sản xuất - kinh doanh - dịch vụ, kéo giảm các chỉ số thiếu hụt xã hội cơ bản, tự vươn lên thoát nghèo; huy động và sử dụng có hiệu quả nguồn lực từ ngân sách, nguồn vận động xã hội hóa từ các tổ chức, đoàn thể các cấp, các nhà tài trợ, các doanh nghiệp và mạnh thường quân trên địa bàn Thành phố nhằm hỗ trợ chăm lo cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ mới thoát nghèo phát triển kinh tế, ổn định cuộc sống, góp phần thu hẹp khoảng cách giàu, nghèo; thường xuyên kiểm tra, giám sát công tác rà soát, cập nhật danh sách

hộ nghèo, hộ cận nghèo; sử dụng nguồn lực để thực hiện chính sách, giải pháp hỗ trợ, bảo đảm đúng mục tiêu, đúng đối tượng.

5.3. Về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội

Tăng cường, đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động trợ giúp xã hội cho các đối tượng bảo trợ xã hội nói riêng và các đối tượng cần trợ giúp nói chung tại cộng đồng. Vận động các nguồn lực chăm lo cho đối tượng bảo trợ xã hội, khuyến khích các mô hình chăm sóc thay thế tại cộng đồng đối với các đối tượng bảo trợ xã hội. Phối hợp giải quyết tình trạng trẻ em, người lang thang xin ăn trên địa bàn Thành phố gắn với thực tiễn địa phương. Cùng cố, kiện toàn cán bộ phụ trách lĩnh vực bảo trợ xã hội tại cấp cơ sở, tổ chức tập huấn nâng cao năng lực cán bộ.

Đề xuất chính sách đặc thù của Thành phố về mở rộng diện người cao tuổi không có lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội của Nhà nước, trẻ em dưới 36 tháng tuổi, phụ nữ mang thai thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có hoàn cảnh khó khăn được hưởng trợ cấp xã hội. Tiếp tục nâng mức chuẩn trợ giúp xã hội theo hướng bảo đảm mức sống tối thiểu cho đối tượng.

Hướng dẫn công tác quản lý, xét duyệt và quyết định trợ cấp cho người đủ điều kiện hưởng trợ cấp xã hội thường xuyên, cấp thẻ bảo hiểm y tế, hỗ trợ mai táng phí, hỗ trợ chi phí khuyến khích hỏa táng đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng và đủ kinh phí được hưởng.

5.4. Phân công thực hiện

Đơn vị chủ trì: Bảo hiểm xã hội Thành phố chủ trì nội dung 5.1; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì nội dung 5.1, 5.2 và 5.3.

Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức.

6. Nâng cao phúc lợi xã hội toàn dân, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản có chất lượng

6.1. Về giáo dục

Nâng cao chất lượng giáo dục, đa dạng hóa mô hình, chương trình đào tạo, phương thức học tập phù hợp với người học. Cùng cố kết quả phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, từng bước phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 đến 5 tuổi. Tăng cường giáo dục hòa nhập cộng đồng cho người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện tốt các chính sách, biện pháp phù hợp nhằm đổi mới, nâng cao hơn nữa chất lượng giáo dục và đào tạo; phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và nhà giáo; thực hiện các chính sách phù hợp để thu hút, đãi ngộ và tôn vinh đội ngũ cán bộ quản lý và nhà giáo. Đẩy mạnh xây dựng trường, lớp; mua sắm đủ trang thiết bị dạy học, nhất là ở các vùng khó khăn; hoàn thiện các chính sách về miễn giảm học phí, học bổng,

tín dụng ưu đãi cho người học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyên đổi số, hiện đại hóa, nâng cao hiệu quả hệ thống quản lý giáo dục và hoạt động của giáo viên. Thực hiện đa dạng hóa các loại hình cơ sở giáo dục và hình thức giáo dục; đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích, huy động và tạo điều kiện để tổ chức, cá nhân tham gia phát triển sự nghiệp giáo dục; khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục dân lập, tự thực đáp ứng nhu cầu xã hội về giáo dục chất lượng cao.

6.2. Về y tế

Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị, nhân lực cho y tế cơ sở, y tế dự phòng; trong đó chú trọng đầu tư trạm y tế xã ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Phát triển mô hình bác sĩ gia đình; quản lý hồ sơ sức khỏe điện tử và khám sức khỏe định kỳ cho người dân.

Thực hiện chính sách về dinh dưỡng, nâng cao tầm vóc, thể lực, nhất là trẻ em vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Chú trọng chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em; tiếp tục phổ biến chế độ dinh dưỡng, khẩu phần ăn phù hợp cho từng nhóm đối tượng; triển khai các chương trình bổ sung vi chất cần thiết cho phụ nữ có thai, phụ nữ cho con bú, trẻ em, người cao tuổi.

Đầu tư phát triển mạng lưới, nâng cao năng lực và chất lượng hoạt động của y tế dự phòng, đảm bảo năng lực phản ứng nhanh trước các rủi ro dịch bệnh. Nâng cao chất lượng dự báo, giám sát, phát hiện, ngăn ngừa có hiệu quả và khống chế dịch bệnh, đảm bảo an ninh y tế.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 4295/KH-UBND ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố về “Chăm sóc sức khỏe tâm thần cho người dân Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn từ nay đến năm 2025 và những năm tiếp theo”.

Thực hiện chính sách dân số và phát triển theo hướng bền vững, cân bằng tỷ số giới tính khi sinh ở mức tự nhiên và duy trì mức sinh thay thế trên địa bàn Thành phố, nhất là đối với một số địa bàn và nhóm dân cư.

6.3. Về phát triển văn hóa

Xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, di sản văn hóa dân tộc, văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số, không ngừng nâng cao đời sống tinh thần của người dân, từng bước thu hẹp khoảng cách về hưởng thụ văn hóa giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng, miền, các đối tượng chính sách và đối tượng yếu thế.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Đề án phát triển ngành công nghiệp Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2030; Đề án Chiến lược phát triển ngành Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2020 - 2035; Bộ tiêu chí xây dựng gia đình hạnh phúc của Đề án “Nghiên cứu, xây dựng tiêu chí đánh giá gia đình hạnh phúc ở Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2021 - 2030.

6.4. Về thông tin

Thực hiện chính sách, pháp luật về quyền tiếp cận thông tin của công dân theo hướng bình đẳng; tăng cường tiếp cận thông tin cho vùng sâu, vùng xa; tăng cường viễn thông công ích. Hỗ trợ người dân tiếp cận thông tin công nghệ số và bảo vệ người dân, các nhóm yếu thế, nhất là trẻ em an toàn trên môi trường mạng. Bảo đảm thông tin chính xác, kịp thời, công khai, minh bạch; kiểm soát và xóa bỏ thông tin rác, thông tin ngoài luồng.

6.5. Về nhà ở

Nghiên cứu, tham mưu chính sách hỗ trợ nhà ở cho diện hộ nghèo, hộ cận nghèo.

Tiếp tục vận động, hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo xây dựng nhà ở tại các quận, huyện, thành phố Thủ Đức; kết hợp, lồng ghép với các hình thức hỗ trợ khác như: hỗ trợ về ngày công của cộng đồng dân cư, hỗ trợ kinh phí từ Quỹ “Vì người nghèo”, sự giúp đỡ từ các tổ chức tín dụng, các doanh nghiệp tham gia xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương, nhà đại đoàn kết,... nhằm góp phần giảm số lượng hộ nghèo, hộ cận nghèo có khó khăn về nhà ở.

Khẩn trương hoàn thiện chính sách, pháp luật về nhà ở xã hội; phát triển đa dạng các loại hình nhà ở và cơ chế, chính sách mua, thuê, thuê mua nhà ở xã hội, nhà lưu trú, ký túc xá cho cán bộ, công chức, viên chức, công nhân, người lao động, học sinh, sinh viên.

Xây dựng, triển khai có hiệu quả chính sách về đất đai, vốn, tín dụng hỗ trợ cho hộ nghèo khu vực nông thôn cải thiện nhà ở và nâng cao điều kiện an toàn về chỗ ở cho người dân sinh sống tại khu vực thường xuyên bị thiên tai, ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu. Huy động xã hội, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia phát triển nhà ở xã hội.

6.6. Về nước sạch, vệ sinh môi trường

Tiếp tục xây dựng, thực hiện các chương trình, dự án về bảo đảm nước sạch sinh hoạt theo quy chuẩn cho người dân, nhất là người dân nông thôn, vùng sâu, vùng xa, vùng thường xuyên bị thiên tai, hạn hán, xâm nhập mặn, ô nhiễm nguồn nước. Xây dựng chính sách cung cấp nước sạch cho các cơ sở giáo dục, y tế và các cơ sở thiết yếu khác. Hoàn thiện chính sách về nước sạch đồng bộ, thống nhất, liên ngành, liên vùng và bảo đảm an ninh nguồn nước.

Thực hiện nghiêm chính sách, pháp luật về bảo vệ môi trường, ưu tiên xử lý ô nhiễm môi trường, phục hồi hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, bảo vệ môi trường khu dân cư nhằm cải thiện chất lượng môi trường và điều kiện sống của người dân. Lồng ghép, thúc đẩy mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong phát triển kinh tế - xã hội; giải quyết các vấn đề ô nhiễm do nước thải, rác thải, khí thải; ngăn chặn, đẩy lùi nguy cơ suy thoái, ô nhiễm môi trường, nhất là vấn đề rác thải, khí thải, nước thải tại các địa phương đông dân cư.

Thực hiện đồng bộ, hiệu quả các giải pháp cải thiện chất lượng không khí, xử lý rác thải, nước thải; đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đốt rác theo công nghệ hiện đại; quản lý tốt việc phân loại, xử lý rác thải gắn với thực hiện hiệu quả Chương trình giảm ô nhiễm môi trường giai đoạn 2020 - 2030.

6.7. Phân công thực hiện

Đơn vị chủ trì: Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì nội dung 6.1; Sở Y tế chủ trì nội dung 6.2; Sở văn hóa và Thể thao chủ trì nội dung 6.3; Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì nội dung 6.4; Sở Xây dựng chủ trì nội dung 6.5; Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng chủ trì nội dung 6.6.

Đơn vị phối hợp: Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên, Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn, các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức.

7. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả cung cấp dịch vụ xã hội

7.1. Phát triển hệ thống dịch vụ xã hội đa dạng, liên thông, liên tục, chuyên nghiệp, đáp ứng cơ bản nhu cầu và tăng khả năng tiếp cận cho các nhóm đối tượng, nhất là công nhân, người có hoàn cảnh khó khăn, người di cư, đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng đội ngũ nhân viên làm công tác xã hội hiểu biết pháp luật, có phẩm chất đạo đức, tận tâm, hoạt động chuyên nghiệp.

7.2. Nâng cao chất lượng các dịch vụ việc làm, bảo hiểm xã hội, y tế, giáo dục, trợ giúp xã hội và hệ thống cơ sở dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng người có công với cách mạng, trẻ em mồ côi, người cao tuổi, người khuyết tật không nơi nương tựa. Phát triển mạng lưới dịch vụ chăm sóc xã hội tại cộng đồng, mô hình chăm sóc và trợ giúp xã hội ngoài công lập; phát huy vai trò của gia đình trong chăm sóc, bảo vệ người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em.

7.3. Hoàn thiện cơ chế, chính sách hợp tác công - tư, khuyến khích tư nhân tham gia đầu tư, hiện đại hóa, phát triển mạng lưới cung cấp dịch vụ xã hội; đầu tư, nâng cấp, xây dựng mới các cơ sở, trung tâm bảo trợ xã hội; đẩy mạnh việc chi trả không dùng tiền mặt cho các đối tượng chính sách trên cơ sở kết nối, khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư.

7.4. Phân công thực hiện

Đơn vị chủ trì: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức.

8. Phát huy vai trò của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội trong giám sát, phản biện thực hiện chính sách xã hội

8.1. Nâng cao chất lượng, tăng cường công tác giám sát, về chính sách xã hội của các cơ quan dân cử; đẩy mạnh thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội trong lắng nghe, phản ánh, giải quyết tâm tư, nguyện vọng hợp pháp, chính đáng và phát huy quyền làm chủ của Nhân dân; tuyên truyền, vận động, tạo sự đồng thuận trong xã hội; phối hợp vận động nguồn lực, khuyến khích tổ chức, cá nhân tích cực tham gia thực hiện chính sách xã hội.

8.2. Phân công thực hiện

Đơn vị chủ trì: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố.

Đơn vị phối hợp: Các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan thường trực, có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đoàn thể, địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch này; thường xuyên theo dõi, kiểm tra đôn đốc, tổ chức đánh giá sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kế hoạch; tham mưu báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch này theo quy định.

2. Các sở, ban, ngành được giao chủ trì mục tiêu

Xây dựng kế hoạch, tổ chức triển khai các nhiệm vụ tại Kế hoạch này; tập trung xây dựng các giải pháp đảm bảo đạt và vượt các chỉ tiêu đề ra.

Chủ động phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề xuất hoạt động, giải quyết các vấn đề chính sách xã hội liên ngành, liên lĩnh vực, đảm bảo tận dụng nguồn lực và thế mạnh của các bên.

3. Sở Giao thông vận tải, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tư pháp, Sở Nội vụ, Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn - Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên, Công ty Cổ phần Hạ tầng nước Sài Gòn, Quỹ Phát triển nhà ở Thành phố, Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố chủ động phối hợp các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan triển khai và tổ chức thực hiện Kế hoạch này.

4. Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức căn cứ tình hình thực tế, xây dựng Kế hoạch phù hợp với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; bố trí kinh phí và chỉ đạo các cơ quan chức năng của địa phương triển khai thực hiện; đưa các mục tiêu, nội dung của Kế hoạch vào chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tự kiểm tra, thanh tra và đánh giá việc thực hiện Kế hoạch ở địa phương; báo cáo định kỳ hằng năm, sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố, Liên đoàn Lao động Thành phố, Thành Đoàn và các tổ chức thành viên khác của Mặt trận chủ động phối hợp với chính quyền các cấp, cơ quan, tổ chức có liên quan triển khai thực hiện Kế hoạch phù hợp với chức năng,

nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị; xây dựng chương trình giám sát việc thực hiện Chương trình hành động số 53-CTrHĐ/TU; tăng cường hoạt động giám sát, phản biện xã hội, kịp thời phản ánh, phối hợp giải quyết những vấn đề liên quan đến thực hiện chính sách xã hội.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Ngân sách nhà nước bố trí trong dự toán chi thường xuyên, kinh phí lồng ghép trong chương trình mục tiêu quốc gia, các chương trình, đề án liên quan khác để thực hiện các hoạt động của Kế hoạch này theo phân cấp ngân sách hiện hành.

2. Nguồn đóng góp, hỗ trợ của các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

3. Nguồn hợp pháp khác (nếu có).

4. Các sở, ngành, đơn vị có liên quan lập dự toán kinh phí hằng năm để thực hiện nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch này theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

VI. CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

Đề nghị các sở, ban, ngành Thành phố, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức căn cứ chức năng nhiệm vụ và tình hình thực tế tại địa phương, đơn vị, xây dựng kế hoạch tổ chức thực hiện. Định kỳ kiểm tra, báo cáo sơ kết hằng năm (trước ngày 05 tháng 11) và báo cáo đột xuất (nếu có) gửi về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- TTUB: CT, các PCT;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố;
- Văn phòng Thành ủy;
- Văn phòng ĐDBQH&HĐND Thành phố;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể Thành phố;
- UBND quận huyện, thành phố Thủ Đức;
- VPUB: CVP, các PCVP;
- Các Phòng NCTH;
- Lưu: VT, (VX/Th2).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Thị Diệu Thúy